TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/6/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Quý Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng;
2. Bà Nguyễn Thị thao.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2019 và Thông báo mở lại phiên toà số 04/2019/TB-TA ngày 10/6/ 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996. Có mặt.

Trú tại: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/03/2019, các bản khai tiếp theo và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (L) và anh Trần Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 27/10/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên chơi bời nợ nần không quan tâm đến gia đình, chúng

tôi đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tôi thấy tình cảm giữa tôi và anh Trần Đình T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Trần Đình T không có bản khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: bị đơn anh Trần Đình T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận các văn bản hợp lệ nhưng anh Trần Đình T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh T và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Đình T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 27/10/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên chơi bời nợ nần không quan tâm đến gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nhiều mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống chung với gia đình nhà chồng khiến chị L không chịu đựng được nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái sinh sống. Dẫn đến hôn nhân giữa chị L và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị L được ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, về tài sản và nợ chung:* Chị L xác định anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Đình T.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/06975 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 11/3/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T – T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quý Hiệp